

# **BƯỚC ĐẦU NGHIÊN CỨU ĐA DẠNG THỰC VẬT THUỘC NGÀNH NGỌC LAN (Magnoliophyta) Ở KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN HÒN BÀ, TỈNH KHÁNH HOÀ**

**TRẦN THẾ BẠCH, ĐỖ VĂN HẢI, BÙI HỒNG QUANG,  
VŨ TIẾN CHÍNH, DƯƠNG THỊ HOÀN**

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

**TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH**

*Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

**SỸ DANH THƯỜNG**

*Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên*

**TRẦN THỊ NGỌC DIỆP**

*Đại học Hùng Vương*

**NGUYỄN HẠNH, LƯU VĂN NÔNG**

*Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà, tỉnh Khánh Hoà*

**RITESH KUMAR CHOUDHARY, SANG-HONG PARK,**

**CHANGYOUNG LEE, JOONGKU LEE, SANGMI EUM**

*Viện Nghiên cứu Sinh học và Công nghệ sinh học Hàn Quốc*

**YOU-MI LEE**

*Vườn Thực vật Quốc gia Hàn Quốc*

Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà thuộc địa phận tỉnh Khánh Hoà. Cho đến nay, có rất ít những nghiên cứu về đa dạng thực vật ở đây. Việc điều tra, nghiên cứu để đánh giá đa dạng thực vật có ý nghĩa quan trọng cả về khoa học và thực tiễn nhằm cung cấp những dẫn liệu mới và cơ bản góp phần bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên rừng của Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà. Do vậy, chúng tôi chọn đề tài: "*Bước đầu nghiên cứu đa dạng thực vật thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà, tỉnh Khánh Hoà*".

## **I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **1. Địa điểm**

Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà, tỉnh Khánh Hoà.

### **2. Thời gian**

Năm 2009 (tháng 4), năm 2010 (tháng 3, 4, 7, 8), năm 2011 (tháng 2, 4, 5, 6).

### **3. Phương pháp**

Phương pháp nghiên cứu theo "*Các phương pháp nghiên cứu thực vật*" của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007). Tập hợp các tài liệu, nhập dữ liệu, phân tích số liệu bằng chương trình Microsoft Access.

## **II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

### **1. Đa dạng taxon**

Bước đầu chúng tôi đã ghi nhận được 515 loài thực vật thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) trên cơ sở thu thập thông tin của một số đợt điều tra thực địa và các tài liệu thu thập được về hệ thực vật Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà. 515 loài được xếp trong 2 lớp, 99 họ, 295 chi.

**1.1. Sự phân bố số họ, số chi và số loài trong 2 lớp của ngành Ngọc lan**

Bảng 1

**Sự phân bố số họ, số chi và số loài trong 2 lớp của ngành Ngọc lan**

Lớp	Số họ	Số chi	Số loài	%
Magnoliopsida (Dicotyledones)	88	260	470	91,26
Liliopsida (Monocotyledones)	11	35	45	8,74
Tỷ lệ Magnoliopsida/Liliopsida	8	7,4	10,4	

Thực vật lớp 2 lá mầm chiếm đến 91,26% tổng số loài thực vật thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta), còn lớp 1 lá mầm chiếm 8,74% tổng số loài thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta).

**1.2. Đa dạng họ**

Bảng 2

**Đa dạng họ**

TT	Họ	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Rubiaceae	59	11,46
2	Euphorbiaceae	36	6,99
3	Apocynaceae	19	3,689
4	Rutaceae	15	2,913
5	Moraceae	15	2,913
6	Melastomataceae	15	2,913
7	Myrsinaceae	13	2,524
8	Orchidaceae	13	2,524
9	Lauraceae	12	2,33
10	Fagaceae	12	2,33
11	Các họ còn lại	306	59,42

Họ nhiều loài nhất là họ Cà phê (Rubiaceae) gồm 59 loài, chiếm 11,46% tổng số loài, tiếp đến là họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) gồm 36 loài, chiếm 6,99% tổng số loài. Các họ còn lại có ít hơn 20 loài.

1.3. Đa dạng chi

Bảng 3

Đa dạng chi

TT	Chi	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	<i>Ficus</i>	10	1,94
2	<i>Symplocos</i>	10	1,94
3	<i>Lasianthus</i>	9	1,75
4	<i>Lithocarpus</i>	9	1,75
5	<i>Smilax</i>	7	1,36
6	<i>Hedyotis</i>	6	1,17
7	<i>Rhododendron</i>	6	1,17
8	<i>Ardisia</i>	6	1,17
9	<i>Antidesma</i>	5	0,97
10	<i>Maesa</i>	5	0,97
11	<i>Syzygium</i>	5	0,97
12	<i>Litsea</i>	5	0,97
13	<i>Saprosma</i>	5	0,97
14	<i>Diospyros</i>	5	0,97
15	Các chi còn lại	422	81,9

2 chi nhiều loài nhất là chi Sung (*Ficus*) và chi Dung (*Symplocos*), mỗi chi có 10 loài, chiếm 1,94% tổng số loài. Các chi còn lại có ít hơn 10 loài.

2. Phân chia các nhóm cây có ích

269 loài thực vật có hoa có ích được ghi nhận thuộc 2 lớp, 78 họ, 200 chi.

Bảng 4

Các nhóm cây có ích

Nhóm cây có ích	Số loài	Số chi	Số họ	Số lớp
Cây gỗ	58	41	28	1
Cây thuốc	178	145	63	2
Cây cảnh	22	22	14	2
Cây có phần ăn được	33	26	21	2
Cây làm rau	26	23	16	2
Cây để nhuộm	9	9	6	1
Cây làm sợi	5	4	4	1
Cây cho tinh dầu	1	1	1	1
Cây làm thức ăn cho động vật	9	8	7	2

Như vậy, cây thuốc gồm 178 loài trên tổng số 269 loài cây có ích, là nhóm cây có số loài lớn nhất trong các nhóm cây có ích (66% tổng số loài cây có ích), tiếp đến là cây gỗ với 58 loài (21,5% tổng số loài cây có ích), các nhóm cây có ích khác có ít hơn 58 loài.

### 3. Các loài trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) đã được ghi nhận

19 loài nằm trong Sách Đỏ Việt Nam được ghi nhận có mặt tại KBTTN Hòn Bà.

Bảng 5

**Danh sách các loài trong Sách Đỏ Việt Nam (2007)**

TT	Sách Đỏ Việt Nam 2007	Tên khoa học	Tên Việt Nam
1	EN A1c, d	<i>Azelia xylocarpa</i> (Kurz) Craib	Gỗ đỏ
2	EN A1c, d, B1 + 2b, c, e	<i>Camellia fleuryi</i> (A. Chev.) Sealy	Chè sỏp
3	EN B1 + 2b	<i>Campestigma purpurea</i> Pierre ex Ccst.	Kiên tím
4	EN A1b, d, B1 + 2b, e	<i>Hydnophytum formicarum</i> Jack	Ó kiến
5	EN B1 + 2b, c	<i>Macrosolen annamicus</i> Dans.	Đại cán việt
6	EN B1 + 2b, c	<i>Melodinus horbaensis</i> A. Chev. ex Pitard	Giôm hòn bà
7	EN B1 + 2e	<i>Pentaspadon poilanei</i> (Evrard & Tardieu) Phamh.	Ngũ liệt poilane
8	EN A1a, c, d + 2d	<i>Sindora tonkinensis</i> A. Chev. ex K. & S. Larsen	Gụ lau
9	EN B1 + 2b, c	<i>Tabernaemontana granulosa</i> Pitard	Lài trâu hạt
10	EN A1a, c, d	<i>Wrightia kontumensis</i> Ly	Lông mức kon tum
11	VU A1d	<i>Barringtonia asiatica</i> (L.) Kurz	Bàng (quả) vuông
12	VU B1 + 2e + 3d	<i>Dendrobium aphyllum</i> (Roxb.) C. Fischer	Hạc vĩ
13	VU A1a, c, d + 2d	<i>Embelia parviflora</i> Wall. ex A. DC.	Thiên lý hương
14	VU A1c, d	<i>Lithocarpus fenestratus</i> (Roxb.) Rehd.	Dẻ cau
15	VU A1a, c, d	<i>Myrmecodia tuberosa</i> Jack	Kỳ nam gai
16	VU A1c, d	<i>Quercus langbianensis</i> Hickel & A. Camus	Sồi lang bian
17	VU A1a, c, d, B1 + 2a, b	<i>Rothmannia vietnamensis</i> Tirveng	Găng việt nam
18	VU B1 + 2b, c	<i>Smilax elegantissima</i> Gagnep.	Kim cang tán không cuống
19	VU A1a, c, d	<i>Xylopiya pierrei</i> Hance	Giền trắng

Ghi chú: VU-Sẽ nguy cấp; EN-Nguy cấp.

### III. KẾT LUẬN

- Kết quả bước đầu ghi nhận thực vật thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà gồm 515 loài thực vật có hoa thuộc 2 lớp, 99 họ, 295 chi.

- 19 loài nằm trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) được ghi nhận, trong đó 10 loài ở phân hạng nguy cấp-EN, 9 loài ở phân hạng sẽ nguy cấp-VU.

- 269 loài thực vật thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) có ích được ghi nhận thuộc 2 lớp, 78 họ, 200 chi.

- Đa dạng họ, chi, loài nhóm cây có ích cũng được phân loại đánh giá; bước đầu chúng tôi đã thống kê được 178 loài cây thuốc thuộc 2 lớp, 63 họ, 145 chi.

- Dữ liệu trong bài báo đã khẳng định hệ thực vật của Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà có tính đa dạng cao, tiềm năng cây có ích, đặc biệt là cây thuốc của vùng là lớn.

**Kiến nghị:** Tiến hành thêm các đợt thực địa, nghiên cứu để bổ sung dữ liệu về hệ thực vật Khu Bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà, tỉnh Khánh Hoà.

*Lời cảm ơn:* Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 106.11-2012.37, dự án "Tiềm năng sinh học của nguồn liệu sinh học ở Việt Nam" hợp tác giữa Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật với Viện Nghiên cứu Sinh học và Công nghệ sinh học Hàn Quốc và đề tài "Điều tra đánh giá các loài động vật, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng cần được ưu tiên bảo vệ nhằm tu chỉnh Sách Đỏ Việt Nam mã số ĐTDL.2011-G/23.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 Nguyễn Tiến Bản (chủ biên) và cs., 2003, 2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2, 3.
- 2 Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách Đỏ Việt Nam, Phần II-Thực vật. NXB. KHTN & CN, Hà Nội.
- 3 Võ Văn Chí & Trần Hợp, 2000. Cây cỏ có ích. NXB. Giáo dục.
- 4 Trần Đình Lý (chủ biên) và cs., 1993. 1900 loài cây có ích ở Việt Nam. NXB. Thế giới.
- 5 Trần Hợp, 2002. Tài nguyên cây gỗ Việt Nam. NXB. Nông nghiệp.
- 6 Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật. NXB. ĐHQG, Hà Nội

## PRELIMINARY STUDIES ON DIVERSITY OF MAGNOLIOPHYTA DIVISION IN HON BA NATURE RESERVE

TRAN THE BACH, DO VAN HAI, BUI HONG QUANG, VU TIEN CHINH,  
DUONG THI HOAN, TRAN THI PHUONG ANH, SY DANH THUONG,  
TRAN THI NGOC DIEP, NGUYEN HANH, LUU VAN NONG,  
RITESH KUMAR CHOUDHARY, SANG-HONG PARK, CHANGYOUNG LEE,  
JOONGKU LEE, SANGMI EUM, YOU- MI LEE

### SUMMARY

The preliminary studies show that: There are 99 families, 295 genera and 515 species of Magnoliophyta distributed in Hon Ba Nature Reserve. The family the most diverse is Rubiaceae (59 species, 11.46% total flowering plants); each of other families comprise less than 59 species. The genus of *Ficus* comprises 10 species (1.94% total flowering plants); each of other genera comprise less than 10 species. Among all plants, there are 269 species (2 classes, 78 families and 200 genera) are useful plants. There are 58 timber species (1 class, 28 families, 41 genera), 178 medicinal species (2 classes, 63 families, 145 genera), 22 ornamental species (2 classes, 14 families, 22 genera), 33 edible species (2 classes, 21 families, 26 genera), 26 vegetable species (2 classes, 16 families, 23 genera), 9 dye species (1 class, 6 families, 9 genera), 5 species (1 class, 4 families, 4 genera) provide fibre, 1 species (1 class, 1 families, 1 genus) provide essential oil, 9 species (2 classes, 7 families, 8 genera) provide food for animal. 19 species are listed in Vietnam Red Data Book (part 2. Plants, 2007), there are 10 species in endangered category (EN), 9 species in vulnerable category (VU). Based on the above data, we can confirm the high diversity of plants in Hon Ba Nature Reserve